

Ngày soạn: ...../...../.....

Ngày dạy: ...../...../.....

## **BÀI 6: KHÁC BIỆT VÀ GÀN GỮ**

### **TIẾT .....: GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGŨ VĂN**

#### **I. Mục tiêu**

##### **1. Kiến thức**

- Nhận biết được đặc điểm nổi bật của văn bản nghị luận (ý kiến, lí lẽ, bằng chứng...), chỉ ra được mối liên hệ giữa các đặc điểm đó.
- Tóm tắt được nội dung chính trong một văn bản nghị luận có nhiều đoạn.
- Nhận biết được ý nghĩa của vấn đề đặt ra trong văn bản đối với sự suy nghĩ, tình cảm của bản thân.

##### **2. Năng lực**

###### **a. Năng lực chung:**

- Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác.

###### **b. Năng lực riêng:**

- Năng lực văn học: nhận biết được đặc điểm và hình thức của văn bản nghị luận.
- Năng lực ngôn ngữ: nhận biết sự phong phú, đa dạng, linh hoạt của ngôn ngữ

##### **3. Phẩm chất:**

- Sống trung thực, thể hiện đúng những suy nghĩ riêng của bản thân, có ý thức trách nhiệm với cộng đồng.

#### **II. Thiết bị dạy học và học liệu**

##### **1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Các phương tiện kỹ thuật
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

### III. Tiến trình dạy học

#### Hoạt động 1: Khởi động

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

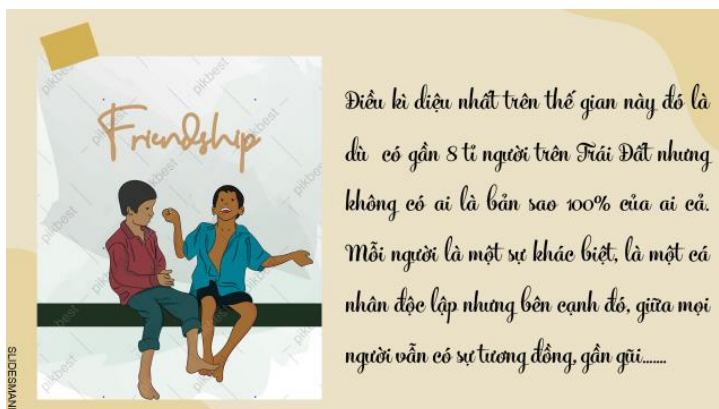
**b. Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- **GV đặt câu hỏi:** Giữa em và người bạn thân của mình, có những điểm nào giống nhau và những điểm nào khác nhau?

*HS suy nghĩ và trả lời những câu hỏi:*



- **GV dẫn dắt vào bài mới:** .....

#### Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

**Hoạt động 1: Giới thiệu bài học và tri thức ngữ văn**

**a. Mục tiêu:** Nắm được chủ đề và thể loại chính của bài học

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <p>- Gv chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>+ Gv yêu cầu học sinh đọc đoạn giới thiệu bài học cùng với câu hỏi:</p> <p>+ Phần giới thiệu bài học muốn nói với chúng ta điều gì?</p> <p>+ Thể loại và kiểu loại văn bản?</p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p><b>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</b></p> <p>- HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ</p> <p>- GV lắng nghe, gợi mở</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</b></p> <p>- Hs trả lời câu hỏi</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</b></p> <p>- Gv định hướng về mục tiêu cần đạt qua bài học cho học sinh</p>	<p><b>I. GIỚI THIỆU BÀI HỌC</b></p> <p>- <b>Chủ đề bài học:</b> Sự khác biệt và gần gũi</p> <p>→ Trong cuộc sống, dù mọi cá thể có những nét riêng biệt về mặt này mặt kia, thì chung quy, giữa mọi người vẫn có những điểm tương đồng, gần gũi.</p> <p>- <b>Thể loại chính:</b></p> <p>+ <b>Văn bản nghị luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Xem người ta kìa!</li> <li>• Hai loại khác biệt</li> </ul> <p>+ <b>Văn bản truyện</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Bài tập làm văn</li> </ul>

### Hoạt động 2: Khám phá tri thức ngữ văn

**a. Mục tiêu:** Nắm được khái niệm và một số yếu tố của văn bản nghị luận

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</b>	<b>II. TRI THỨC NGỮ VĂN</b>

<p>GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức ngữ văn trong SGK</p> <p>GV yêu cầu HS trả câu hỏi sau:</p> <p>+ Tìm hiểu về khái niệm văn bản nghị luận.</p> <p>+ Tìm hiểu yếu tố của văn bản nghị luận?</p> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</b></p> <p>HS nghiên cứu trả lời câu hỏi.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</b></p> <p>HS báo cáo kết quả, nhận xét.</p> <p><b>Bước 4: Kết luận, nhận định.</b></p> <p>GV chốt và mở rộng kiến thức.</p>	<p><b>1. Khái niệm Văn bản nghị luận</b></p> <p>Văn bản nghị luận là loại văn bản chủ yếu dùng để thuyết phục người đọc (người nghe) về một vấn đề</p> <p><b>2. Một số yếu tố của văn bản nghị luận</b></p> <p>- Để văn bản thực sự có sức thuyết phục, người viết (người nói) cần sử dụng lí lẽ và bằng chứng.</p> <p>- Lí lẽ là những lời diễn giải có lí mà người viết (người nói) đưa ra để khẳng định ý kiến của mình.</p> <p>- Bằng chứng là những ví dụ được lấy từ thực tế đời sống hoặc từ các nguồn khác để chứng minh cho lí lẽ.</p>
---	---

### Hoạt động 3: Luyện tập

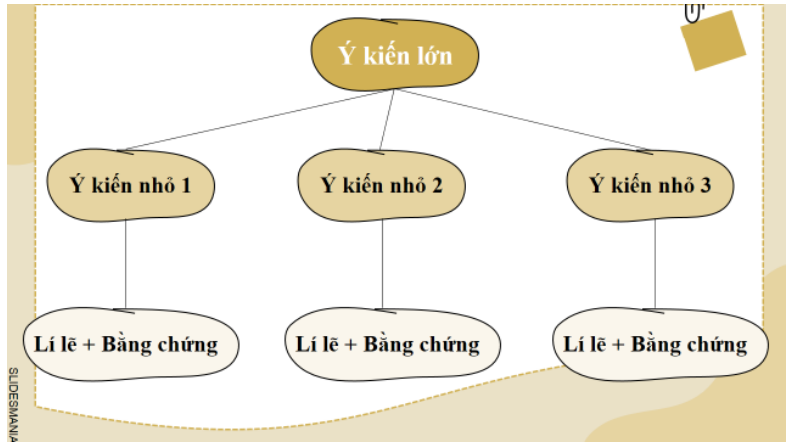
**a. Mục tiêu:** củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- **GV yêu cầu HS:** *Hãy vẽ sơ đồ thể hiện ngắn gọn cấu trúc của văn bản nghị luận*



- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

### Hoạt động 4: Vận dụng

- a. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.
- b. **Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.
- c. **Sản phẩm học tập:** Sản phẩm của HS.
- d. **Tổ chức thực hiện:**

GV yêu cầu HS đọc trước văn bản tiếp theo

### Rút kinh nghiệm

.....

.....

.....

Ngày soạn: ...../...../.....

Ngày dạy: ...../...../.....

## TIẾT.....: XEM NGƯỜI TA KÌA!

Lạc Thanh

### I. Mục tiêu

#### 1. Kiến thức

- Ý nghĩa của những cái chung giữa mọi người và cái riêng biệt ở mỗi con người.
- Đặc điểm của văn bản nghị luận được thể hiện trong văn bản “*Xem người ta kìa!*”.

#### 2. Năng lực

##### a. Năng lực chung:

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

##### b. Năng lực riêng:

- Xác định được phương thức biểu đạt chính trong văn bản “*Xem người ta kìa!*”.
- Nhận biết được các lí lẽ, bằng chứng trong văn bản. Từ đó hình dung ra đặc điểm của văn bản nghị luận.
- Rút ra bài học về lối sống, hiểu và trân trọng những cái riêng biệt ở bản thân và mọi người.

#### 3. Phẩm chất:

- Nhân ái, tôn trọng sự khác biệt.

### II. Thiết bị dạy học và học liệu

#### 1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Các phương tiện kỹ thuật
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

### III. Tiến trình dạy học

#### Hoạt động 1: Khởi động

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**GV cho học sinh xem một bức tranh và đặt câu hỏi gợi dẫn:** *Em đã bao giờ bị mẹ so sánh với ai đó chưa? Khi ấy, em có những suy nghĩ gì?*



- **GV dẫn dắt vào bài mới:** Chắc hẳn câu nói “Con nhà người ta, Xem người ta kìa” ...là những câu nói không hề xa lạ trong cuộc sống hàng ngày. Nhưng ẩn sau trong câu nói đó là những sự lo lắng, yêu thương của các bậc làm cha làm mẹ. Thế nhưng vô tình lại gây cho người nghe những cảm xúc tiêu cực và thái độ không mấy vui vẻ. Và bạn nhỏ trong bài học của chúng ta cũng vậy, khi bị mẹ nói “Xem người ta kìa”, bạn nhỏ đã có thái độ, hành động, suy nghĩ như thế nào, chúng ta cùng vào bài học ngày hôm nay nhé!

## Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

### Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung

a. **Mục tiêu:** Giúp HS nêu được tên tác giả Lạc Thanh và một số nét cơ bản về văn bản “Xem người ta kia!”.

b. **Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

c. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Thao tác 1: đọc- chú thích</b></p> <p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- GV yêu cầu HS: đọc văn bản trước lớp</li><li>- Gv giải thích một số từ khó cho học sinh.</li><li>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</li></ul> <p><b>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- HS thực hiện nhiệm vụ.</li></ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- HS theo dõi sgk</li><li>- GV quan sát, hỗ trợ</li></ul> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- GV nhận xét, đánh giá</li></ul>	<p><b>I. Đọc- Tìm hiểu chung</b></p> <p><b>1. Đọc- chú thích</b></p> <p><b>a. Đọc</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- GV gọi học sinh đọc trước lớp</li><li>- Đọc diễn cảm, lưu loát, ngắt nghỉ đúng,.....</li></ul> <p><b>b. Chú thích</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- <b>Khuất:</b> chết</li><li>- <b>Khôn nguôi:</b> không thể quên</li><li>- <b>Chuẩn mực:</b> cái được chọn làm căn cứ để theo đó mà làm cho đúng</li><li>- <b>Xuất chúng:</b> nổi bật, hơn hẳn mọi người về tài năng, trí tuệ</li><li>- <b>Hoàn hảo:</b> tốt đẹp về mọi mặt</li><li>- <b>Thâm tâm:</b> nơi sâu kín trong lòng</li><li>- <b>Hồi ức:</b> nhớ lại điều bản thân đã trải qua</li></ul>
<p><b>Thao tác 2: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm</b></p>	<p><b>2. Tìm hiểu chung</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- <b>Tác giả:</b> Lạc Thanh</li></ul>



<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS tìm hiểu các yếu tố:</li> <li>+ Tác giả</li> <li>+ Tác phẩm: thể loại, xuất xứ, PTBĐ, bố cục...</li> <li>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</li> </ul> <p><b>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện nhiệm vụ.</li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS trả lời câu hỏi</li> <li>- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</li> </ul> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Thể loại:</b> văn bản nghị luận</li> <li>- <b>Xuất xứ:</b> Theo Lạc Thanh, Tạp chí Sông Lam, số 8/2020</li> <li>- <b>PTBĐ:</b> nghị luận</li> <li>- <b>Bố cục: 3 phần</b></li> <li>+ <b>Phần 1:</b> (Từ đầu ... đến "Có người mẹ nào không ước mong điều đó?")</li> <li>➔ Nêu vấn đề nghị luận</li> <li>+ <b>Phần 2:</b> (Tiếp ... đến “riêng của từng người”)</li> <li>➔ Bàn luận vấn đề</li> <li>+ <b>Phần 3:</b> Phần còn lại</li> <li>➔ Kết thúc vấn đề</li> <li>- <b>Vấn đề bàn luận:</b></li> <li>+ Ý nghĩa của những cái chung giữa mọi người và cái riêng biệt của mỗi người.</li> <li>+ VB nêu 2 khía cạnh: sự giống nhau và khác nhau giữa mọi người. Trong đó nhấn mạnh tầm quan trọng của giá trị riêng biệt, độc đáo của mỗi người.</li> </ul>
---	---

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Nêu được vấn đề bàn luận, bàn luận về vấn đề và kết luận vấn đề.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

<b>HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS</b>	<b>DỰ KIẾN SẢN PHẨM</b>
<b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b>	<b>II. Khám phá văn bản</b>

<p>- GV đặt câu hỏi gợi dẫn HS + Khi thốt lên “Xem người ta kia!”, người mẹ muốn con làm gì? + Chỉ ra ở văn bản đoạn văn dùng lời kể để giới thiệu vấn đề? + Khi nghe những lời người mẹ nói, tâm trạng của người con thay đổi ra sao? + <b>Nhận xét về nghệ thuật</b> <b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ</b> - HS thực hiện nhiệm vụ <b>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</b> - HS trả lời câu hỏi - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động</b> - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức</p>	<p><b>1. Nêu vấn đề nghị luận</b> <b><u>Câu nói của mẹ</u></b> “Xem người ta kia, ... có ai như thế không” → Mong muốn giản dị của người mẹ, muốn con hoàn hảo như mọi người → VD nghị luận <b><u>Tâm trạng của con</u></b> “Nhưng mỗi lần như vậy, thú thật, tôi không thoải mái chút nào” → <i>Không thoải mái</i> → <b>Nghệ thuật:</b> tác giả dùng lời kể để giới thiệu vấn đề nghị luận → <b>Cách vào bài ấn tượng, thuyết phục</b></p>
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</b> <b>Hình thức:</b> hoạt động nhóm theo bàn và hoàn thiện Phiếu học tập <b>Thời gian:</b> 10 phút</p>	<p><b>2. Bàn luận về vấn đề nghị luận</b> <b>a, Những lí lẽ để bàn luận vấn đề</b> * <b>Cái lí</b> của người mẹ khi muốn con nhìn vào người khác để làm chuẩn mực mà noi theo vì: - Trên đời, mọi người đều giống nhau nhiều điều.</p>

Nhóm:.....Lớp:.....

## Phiếu học tập

1. Li do nào khiến mẹ muốn con giống người khác?.....

2. Liệt kê các câu hỏi được sử dụng trong đoạn văn “Mẹ tôi không phải...vạn mườì” và cho biết hiệu quả của chúng?.....

3. Qua đó, tác giả muốn nhấn mạnh điều gì?.....

### Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS chia nhóm hoàn thành PHT, trả lời câu hỏi của GV

### Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

HS báo cáo kết quả, nhận xét.

### Bước 4: Kết luận, nhận định.

GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức.

- Việc noi theo những điểm tốt, những ưu điểm, những mặt mạnh của một ai đó để tiến bộ là một điều cần thiết.

- Người mẹ mong muốn con sẽ trở thành một người hoàn hảo, mười phân vẹn mười

### \* Nghệ thuật:

- 3 câu hỏi liên tiếp

“Ai chẳng muốn thông minh, giỏi giang?”

“Ai chẳng muốn được tin yêu, tôn trọng?”

“Ai chẳng muốn thành đạt?”

- Điệp cấu trúc câu “Ai chẳng muốn...?”

➔ Tạo nhịp điệu dồn dập cho đoạn văn.

Đồng thời nhấn mạnh chân lí: “Không ai là không muốn những điều tốt đẹp trong cuộc đời mình”

### b. Những dẫn chứng để chứng minh vấn đề

#### Sự khác biệt tạo nên một xã hội đa dạng, sinh động

- Thế giới là muôn màu, muôn vẻ. Vạn vật trên rừng đều thế và xã hội con người cũng vậy.

- Lấy ví dụ: trong 1 lớp học mọi người đều khác nhau ở nhiều khía cạnh.

	<p>- Đưa ra một câu nói hay: “Chỗ giống nhau nhất của mọi người trên thế gian này...không ai giống ai cả”</p> <p><b>→ Phẩm chất “không giống ai” lại là một phần đáng quý trong mỗi con người</b></p> <p><i>- Trở lại vấn đề ở mở bài, khẳng định thêm ý kiến bản thân:</i></p> <p>+ Người thân không hẳn đúng khi ngăn cản, không để ta được sống với con người thực của chính mình.</p> <p>+ Hòa nhập là tốt nhưng hòa nhập là để cho tập thể trở nên phong phú.</p> <p>+ Hòa nhập không có nghĩa là gạt bỏ cái riêng của từng người.</p> <p><b>→ Những dẫn chứng, bằng chứng cụ thể, xác thực, tiêu biểu, phù hợp.</b></p>
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</b></p> <p><b>- GV đặt câu hỏi gợi dẫn</b></p> <p>+ Hãy nhận xét cách kết thúc văn bản của tác giả?</p> <p>+ Theo em, việc kết thúc bằng câu hỏi ở cuối đoạn có ý nghĩa gì?</p> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</b></p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</b></p> <p>- HS trả lời câu hỏi</p> <p><b>Bước 4: Kết luận, nhận định.</b></p>	<p><b>3. Kết thúc vấn đề nghị luận</b></p> <p>- Khẳng định ý kiến: Biết hòa đồng, gần gũi mọi người, nhưng cũng phải biết giữ lấy cái riêng và tôn trọng sự khác biệt.</p> <p>- Câu nói của mẹ “Xem người ta kia!”: trở thành lời động viên khích lệ để con khẳng định giá trị, sự khác biệt với mọi người.</p> <p><b>→ Gửi gắm lời khuyên, lời nhắn nhủ một cách chân thành → để tác động hơn</b></p>

<p>GV kết luận và nhấn mạnh, mở rộng kiến thức.</p> <p><b>Gv đặt câu hỏi mở rộng: Hãy cho biết bố cục của một bài văn nghị luận?</b></p> <p><b>- ĐẶT VẤN ĐỀ</b> Giới thiệu vấn đề, tầm quan trọng của vấn đề, nêu được luận điểm cơ bản cần giải quyết</p> <p><b>- GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ</b> Triển khai các luận điểm, dung lí lẽ, dẫn chứng lập luận để thuyết phục người nghe theo quan điểm đã trình bày</p> <p><b>- KẾT THÚC VẤN ĐỀ</b> Khẳng định tầm quan trọng, ý nghĩa của vấn đề đã nêu</p>	<p>→ Bài học rút ra: “Biết tôn trọng sự khác biệt”</p>
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài</li> <li>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</li> </ul> <p><b>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện nhiệm vụ.</li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS trả lời câu hỏi</li> </ul>	<p><b>III. Tổng kết</b></p> <p><b>1. Nghệ thuật</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dùng lời kể để nêu vấn đề</li> <li>- Dùng nhiều lí lẽ, dẫn chứng xác thực, tiêu biểu</li> </ul> <p><b>2. Nội dung</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mọi người ngoài những điểm chung, còn có nét <i>riêng biệt, độc đáo. Điều đó làm nên sự muôn màu của cuộc sống.</i></li> </ul>

<p>- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động</b></p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức</p>	<p>- Mỗi chúng ta cần biết hòa đồng, gần gũi mọi người, nhưng cũng phải biết giữ lấy cái riêng và tôn trọng sự khác biệt.</p>
--	---

### Hoạt động 3: Luyện tập

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV tổ chức trò chơi *LUCKY STAR*

**1. Văn bản “Xem người ta kia” là văn bản thuộc thể loại nào?**

→ Nghị luận

**2. Văn bản “Xem người ta kia” nghị luận về một quan điểm sống. Ý kiến này đúng hay sai?**

→ Đúng

**3. Văn bản “Xem người ta kia” có câu nói “Xem người ta kia”, đó là câu nói của ai?**

→ Người mẹ

**4.Đâu là hàm ý trong câu nói “xem người ta kia!” của người mẹ?**

→ Tình thương con và mong con được thành công như mọi người

**5. Cách vào đề của tác giả có gì đặc biệt?**

→ Nêu vấn đề bằng lời kể

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

### Hoạt động 4: Vận dụng

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS:

+ Xem bức ảnh sau và nêu cảm nhận



+ Viết đoạn văn (từ 5 – 7 câu) nêu suy nghĩ về vấn đề: *Ai cũng có cõi riêng của mình.*

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**Rút kinh nghiệm**

.....

.....

.....

Ngày soạn: ...../...../.....

Ngày dạy: ...../...../.....

## **TIẾT..... THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

### **I. Mục tiêu**

#### **1. Kiến thức**

- HS nhận biết được đặc điểm và chức năng của trạng ngữ.
- HS biết cách sử dụng trạng ngữ phù hợp với hoàn cảnh và mục đích giao tiếp.
- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

#### **2. Năng lực**

##### **a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

##### **b. Năng lực riêng biệt**

- HS biết cách sử dụng trạng ngữ phù hợp với hoàn cảnh và mục đích giao tiếp.
- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

#### **3. Phẩm chất**

- Thái độ học tập nghiêm túc.

### **II. Thiết bị dạy học và học liệu**

#### **1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 6 tập hai, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v...

### **III. Tiến trình dạy học**



## Hoạt động 1: Khởi động

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- **GV tổ chức hoạt động:** *NỐI THÔNG TIN Ở CỘT A VỚI CỘT B SAO CHO PHÙ HỢP*

**NỐI THÔNG TIN Ở CỘT A VỚI CỘT B SAO CHO PHÙ HỢP**

<b>A</b>		<b>B</b>
Để phòng chống dịch covid,	↙ ↘	Hoa đào, hoa mai nở rộ khắp vườn.
Trên sân trường,		Nên bài thi của em chưa đạt kết quả cao
Mùa xuân,		Chúng ta cần phải tuân thủ đúng theo nguyên tắc 5K
Vì chủ quan		Các bạn học sinh đang nô đùa, chạy nhảy

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và trả lời

- GV dẫn dắt vào bài học mới: .....

## Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được đặc điểm và loại văn bản

- Nhận biết được chức năng đoạn văn trong văn bản

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<b>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</b> - GV đặt câu hỏi:	<b>I. Hình thành kiến thức</b> <b>1. Nhận biết trạng ngữ</b>

+ Hãy xác định cấu trúc, thành phần của câu sau:

**Hỏi nhỏ, chúng tôi học cùng một lớp**

+ Theo em, trong ví dụ đó, đâu là thành phần chính, đâu là thành phần phụ, cách xác định?

+ Từ đó đưa ra nhận xét về đặc điểm hình thức của trạng ngữ.

+ Hãy xác định chức năng của trạng ngữ dựa vào các ví dụ sau:

(1) Để giao tiếp tốt bằng ngoại ngữ, em cần luyện tập thường xuyên.

(2) Nhiều người thường cãi nhau chỉ vì những bất đồng nhỏ.

(3) Trong vườn trường, những khóm tường vi đã nở rộ.

(4) Vì lẽ đó, xưa nay, không ít người tự vượt lên chính mình nhờ noi gương những cá nhân xuất chúng.

+ Như vậy, trạng ngữ có mấy chức năng chính?

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện nhiệm vụ

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

**Hỏi nhỏ, //chúng tôi // học cùng một lớp**

TN

CN


VN

→ **Đặc điểm hình thức:** trạng ngữ thường đứng ở đầu câu (có trường hợp đứng giữa câu và cuối câu), **tách khỏi** nòng cốt câu bằng một **quãng nghỉ** khi nói hay một **dấu phẩy** khi viết.

Ví dụ	Trạng ngữ	Chức năng
(1) Để giao tiếp tốt bằng ngoại ngữ, em cần luyện tập thường xuyên.	Để giao tiếp tốt bằng ngoại ngữ	→ Trạng ngữ chỉ mục đích
(2) Nhiều người thường cãi nhau chỉ vì những bất đồng nhỏ.	Chỉ vì những bất đồng nhỏ	→ Trạng ngữ chỉ nguyên nhân
(3) Trong vườn trường, những khóm tường vi đã nở rộ.	Trong vườn trường	→ Trạng ngữ chỉ địa điểm
(4) Vì lẽ đó, xưa nay, không ít người tự vượt lên chính mình nhờ noi gương những cá nhân xuất chúng.	- Vì lẽ đó - Xưa nay	- TN chỉ nguyên nhân - TN chỉ thời gian

**2. Kết luận**

- Trạng ngữ là thành phần phụ.

<p>- HS trả lời câu hỏi</p> <p>- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</b></p> <p>- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức</p> <p>GV mở rộng cho HS: MẸO XÁC ĐỊNH TRẠNG NGỮ</p> 	<p>- Được dùng để nói rõ địa điểm, thời gian, nguyên nhân, điều kiện, trạng thái, mục đích, phương tiện, cách thức diễn ra sự việc nêu trong câu.</p> <p>- Có khi được dùng để liên kết câu trong đoạn.</p>
---	---

### Hoạt động 3: Luyện tập

- a. **Mục tiêu:** biết sử dụng kiến thức vừa học để giải quyết các bài tập
- b. **Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.
- c. **Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.
- d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM														
<p><b>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <p>- GV yêu cầu HS hoàn thiện bài tập 1,2,4 vào vở</p> <p><b>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</b></p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</b></p>	<p><b>Bài tập 1</b></p> <table border="1" data-bbox="758 1534 1492 1975"> <thead> <tr> <th data-bbox="758 1534 837 1601">VD</th> <th data-bbox="837 1534 1252 1601">Trạng ngữ</th> <th data-bbox="1252 1534 1492 1601">Chức năng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="758 1601 837 1736">1</td> <td data-bbox="837 1601 1252 1736">Từ khi biết nhìn nhận và suy nghĩ</td> <td data-bbox="1252 1601 1492 1736">TN chỉ thời gian</td> </tr> <tr> <td data-bbox="758 1736 837 1870">2</td> <td data-bbox="837 1736 1252 1870">Giờ đây</td> <td data-bbox="1252 1736 1492 1870">TN chỉ thời gian</td> </tr> <tr> <td data-bbox="758 1870 837 1975">3</td> <td data-bbox="837 1870 1252 1975">Dù có ý định tốt đẹp</td> <td data-bbox="1252 1870 1492 1975">TN chỉ điều kiện</td> </tr> </tbody> </table>			VD	Trạng ngữ	Chức năng	1	Từ khi biết nhìn nhận và suy nghĩ	TN chỉ thời gian	2	Giờ đây	TN chỉ thời gian	3	Dù có ý định tốt đẹp	TN chỉ điều kiện
VD	Trạng ngữ	Chức năng													
1	Từ khi biết nhìn nhận và suy nghĩ	TN chỉ thời gian													
2	Giờ đây	TN chỉ thời gian													
3	Dù có ý định tốt đẹp	TN chỉ điều kiện													

<p>- HS trả lời, hoàn thành bài tập</p> <p>- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</b></p> <p>- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức</p> <p>GV Tổ chức trò chơi THÊM TRẠNG NGỮ CHO CÂU (Bài tập 3)</p> <p><b>1. Hoa đã bắt đầu nở</b></p> <p>Ví dụ: Trong vườn, hoa đã bắt đầu nở</p> <p><b>2. Bố sẽ đưa cả nhà đi công viên nước</b></p> <p>Ví dụ: Ngày mai, Bố sẽ đưa cả nhà đi công viên nước</p> <p><b>3. Mẹ rất lo lắng cho tôi</b></p> <p>Ví dụ: Hôm qua tôi mệt, mẹ rất lo lắng cho tôi</p> <p><b>4. Mọi người rất yêu thương nhau</b></p> <p>Ví dụ: Vì là người một nhà, nên mọi người rất yêu thương nhau</p> <p><b>5. Đàn chim hót líu lo</b></p> <p>Ví dụ: Trên cành cây, đàn chim hót líu lo</p> <p><b>6. Em được cô giáo khen</b></p>	<p><b>Bài tập 2</b></p> <table border="1" data-bbox="758 257 1492 1736"> <thead> <tr> <th data-bbox="758 257 970 510">Câu có TN</th> <th data-bbox="970 257 1252 510">Câu đã lược bỏ trạng ngữ</th> <th data-bbox="1252 257 1492 510">So sánh sự khác biệt nếu bỏ trạng ngữ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="758 510 970 840">a. <u>Cùng với câu này</u>, mẹ còn nói: “Người ta cười chết!”.</td> <td data-bbox="970 510 1252 840">Mẹ còn nói: “Người ta cười chết!”.</td> <td data-bbox="1252 510 1492 840">Câu chỉ nêu chung chung, không gắn với điều kiện cụ thể.</td> </tr> <tr> <td data-bbox="758 840 970 1220">b. <u>Trên đời</u>, mọi người giống nhau nhiều điều lắm.</td> <td data-bbox="970 840 1252 1220">Mọi người giống nhau nhiều điều lắm.</td> <td data-bbox="1252 840 1492 1220">Câu sẽ mất đi tính phổ quát-điều mà người viết muốn nhấn mạnh</td> </tr> <tr> <td data-bbox="758 1220 970 1736">c. <u>Tuy vậy, trong tâm</u>, tôi không hề cảm thấy dễ chịu mỗi lần nghe mẹ trách cứ.</td> <td data-bbox="970 1220 1252 1736">Tuy vậy, tôi không hề cảm thấy dễ chịu mỗi lần nghe mẹ trách cứ.</td> <td data-bbox="1252 1220 1492 1736">Câu sẽ không cho ta biết điều mà người nói muốn thú nhận đã tồn tại ở đâu.</td> </tr> </tbody> </table> <p><b>Bài tập 4</b></p> <p>a. đoàn kết, nhất chí.</p> <p>b. toàn vẹn, không có khiếm khuyết</p>	Câu có TN	Câu đã lược bỏ trạng ngữ	So sánh sự khác biệt nếu bỏ trạng ngữ	a. <u>Cùng với câu này</u> , mẹ còn nói: “Người ta cười chết!”.	Mẹ còn nói: “Người ta cười chết!”.	Câu chỉ nêu chung chung, không gắn với điều kiện cụ thể.	b. <u>Trên đời</u> , mọi người giống nhau nhiều điều lắm.	Mọi người giống nhau nhiều điều lắm.	Câu sẽ mất đi tính phổ quát-điều mà người viết muốn nhấn mạnh	c. <u>Tuy vậy, trong tâm</u> , tôi không hề cảm thấy dễ chịu mỗi lần nghe mẹ trách cứ.	Tuy vậy, tôi không hề cảm thấy dễ chịu mỗi lần nghe mẹ trách cứ.	Câu sẽ không cho ta biết điều mà người nói muốn thú nhận đã tồn tại ở đâu.
Câu có TN	Câu đã lược bỏ trạng ngữ	So sánh sự khác biệt nếu bỏ trạng ngữ											
a. <u>Cùng với câu này</u> , mẹ còn nói: “Người ta cười chết!”.	Mẹ còn nói: “Người ta cười chết!”.	Câu chỉ nêu chung chung, không gắn với điều kiện cụ thể.											
b. <u>Trên đời</u> , mọi người giống nhau nhiều điều lắm.	Mọi người giống nhau nhiều điều lắm.	Câu sẽ mất đi tính phổ quát-điều mà người viết muốn nhấn mạnh											
c. <u>Tuy vậy, trong tâm</u> , tôi không hề cảm thấy dễ chịu mỗi lần nghe mẹ trách cứ.	Tuy vậy, tôi không hề cảm thấy dễ chịu mỗi lần nghe mẹ trách cứ.	Câu sẽ không cho ta biết điều mà người nói muốn thú nhận đã tồn tại ở đâu.											

Ví dụ: Vì chăm học bài, em được cô giáo khen

### **7. Tôi sẽ đi du lịch Hạ Long**

Ví dụ: Cuối tuần này, tôi sẽ đi du lịch Hạ Long

## **Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- **GV tổ chức trò chơi: GIẢI MÃ HỘP QUÀ BÍ ẨN 1-3**

**1. Hãy xác định nghĩa của thành ngữ (in đậm) trong câu sau:**

- Tôi đã hiểu ra, mỗi lần bảo tôi: “Xem người ta kia!” là một lần mẹ mong tôi làm sao để bằng người, không thua em kém chị.

→ Thành ngữ: **thua em kém chị** nghĩa là không được bằng em bằng chị, kém hơn với mọi người.

**2. Hãy xác định nghĩa của thành ngữ (in đậm) trong câu sau:**

“Nhớ các bạn trong lớp tôi ngày trước, mỗi người một vẻ, sinh động biết bao”

→ Thành ngữ: **mỗi người một vẻ**: khác nhau, không ai giống ai.

**3. Hãy xác định nghĩa của thành ngữ (in đậm) trong câu sau:**

- Người ta thường nói học trò “nghịch như quỷ”, ai ngờ quỷ cũng là cả một thế giới, chẳng “quỷ” nào giống “quỷ” nào!

→ Thành ngữ: **nghịch như quỷ**: vô cùng nghịch ngợm, nghịch một cách tai quái, quá mức bình thường.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

## **Rút kinh nghiệm**

.....

.....

.....

Ngày soạn: ...../...../.....

Ngày dạy: ...../...../.....

## TIẾT.....: HAI LOẠI KHÁC BIỆT

*Giong-mi mun*

### I. Mục tiêu

#### 1. Kiến thức

- Sự phong phú của chủ đề bài học về sự “Gần gũi và khác biệt”
- Sự khác biệt có ý nghĩa, sự khác biệt làm nên giá trị riêng cũng như bản sắc của mỗi con người.

#### 2. Năng lực

##### a. Năng lực chung:

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

##### b. Năng lực riêng:

- Thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Hai loại khác biệt*.
- Trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Hai loại khác biệt*.
- Hợp tác, trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa đoạn trích.
- Viết bài văn nghị luận kết hợp phương thức tự sự, miêu tả.

#### 3. Phẩm chất:

- Giúp HS phát triển các phẩm chất: Trung thực, thật thà; lương thiện.

### II. Thiết bị dạy học và học liệu

#### 1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Các phương tiện kỹ thuật
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

### III. Tiến trình dạy học

#### Hoạt động 1: Khởi động

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**GV cho học sinh chia sẻ về vấn đề sau:**

- 1. Em có muốn thể hiện sự khác biệt so với các bạn trong lớp hay không? Vì sao?*
- 2. Em suy nghĩ như thế nào về một bạn không có tỏ ra khác biệt, nhưng vẫn có những ưu điểm vượt trội.*

**- GV dẫn dắt vào bài mới:** *Lựa tuổi dậy thì cũng là lựa tuổi các em bắt đầu bước vào sự trưởng thành về cơ thể cũng như về tâm lí, nhận thức. Nhiều bạn muốn khẳng định bản thân mình bằng cách làm những điều khác thường, gây sự chú ý với mọi người. Vậy điều khác thường đó là tốt hay xấu? Nên thể hiện sự khác thường bằng cách nào? Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu.*

#### Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

##### Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về thể loại, giải nghĩa từ khó trong văn bản.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

<b>HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS</b>	<b>DỰ KIẾN SẢN PHẨM</b>
<b>Thao tác 1: đọc- chú thích</b>	<b>I. Đọc- Tìm hiểu chung</b>



**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS: đọc văn bản trước lớp và đánh giá phần đọc của bạn theo bảng tiêu chí sau:

Bảng kiểm kĩ năng đọc	Đạt	Chưa đạt
Đọc to, rõ ràng, trôi chảy		
Đọc đúng, không thêm từ, bớt từ.		
Tốc độ, âm lượng đọc phù hợp.		
Giọng đọc diễn cảm, thể hiện được cảm xúc của nhân vật.		

- Gv giải thích một số từ khó cho học sinh.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện nhiệm vụ.

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- HS theo dõi sgk

- GV quan sát, hỗ trợ

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động****1. Đọc- chú thích****a. Đọc**

- GV gọi 2 bạn đọc nối tiếp

**b. Chú thích**

- **Phiên bản:** bản sao lại từ một bản chính

- **Pi-gia-ma:** bộ đồ mặc ở nhà

- **Quái đản:** kì quái đến mức khó tin là có thật

- **Quái dị:** rất khác với những gì thường thấy, gây cảm giác khó coi

<p>- GV nhận xét, đánh giá</p> <p><b>Thao tác 2: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm</b></p> <p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <p>- GV yêu cầu HS tìm hiểu các yếu tố:</p> <p>+ Tác giả</p> <p>+ Tác phẩm: thể loại, xuất xứ, PTBD, bố cục...</p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p><b>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</b></p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</b></p> <p>- HS trả lời câu hỏi</p> <p>- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động</b></p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức</p>	<p><b>2. Tìm hiểu chung</b></p> <p><b>a. Tác giả:</b></p> <p>- <b>Giong-mi Mun</b>, sinh năm 1964,</p> <p>- Quê: Hàn Quốc</p> <p>- Tiến sĩ trường Đại học Kinh doanh Harvard</p> <p><b>b. Tác phẩm</b></p> <p>- <b>Thể loại:</b> văn bản nghị luận</p> <p>- <b>Xuất xứ:</b> Trích từ cuốn sách “<i>Khác biệt - thoát khỏi bẫy đàn cạnh tranh</i>”, theo Dương Ngọc Lâm dịch.</p> <p>- <b>PTBD:</b> nghị luận kết hợp với tự sự</p> <p>- <b>VĐ nghị luận:</b> Bàn về giá trị của sự khác biệt, nhưng phải là khác biệt có ý nghĩa</p> <p>- <b>Bố cục: 3 phần</b></p> <p>+ <b>Phần 1:</b> (Từ đầu ... đến <i>nội quy nhà trường</i>)</p> <p>→ Nêu vấn đề nghị luận</p> <p>+ <b>Phần 2:</b> (Tiếp ... đến <i>không nể phục cậu</i>)</p> <p>→ Bàn luận vấn đề</p> <p>+ <b>Phần 3:</b> Phần còn lại</p> <p>→ Kết thúc vấn đề</p>
--	---

## Hoạt động 2: Khám phá văn bản

### a. Mục tiêu:

- Nêu được vấn đề bàn luận, bàn luận về vấn đề và kết luận vấn đề.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

<b>HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS</b>	<b>DỰ KIẾN SẢN PHẨM</b>
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- GV đặt câu hỏi gợi dẫn HS</li><li>+ Giáo viên đã giao cho học sinh bài tập gì? Mục đích và yêu cầu bài tập đặt ra?</li><li>+ Tại sao giáo viên không dạy cho học sinh luôn bài học mà lại cho học sinh được tham gia trải nghiệm thực tế trước? Em nhận xét gì về cách giáo dục này?</li></ul> <p><b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- HS thực hiện nhiệm vụ</li></ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- HS trả lời câu hỏi</li><li>- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</li></ul> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức</li></ul>	<p><b>II. Khám phá văn bản</b></p> <p><b>1. Nêu vấn đề nghị luận</b></p> <p><b>Văn bản kể câu chuyện về sự thay đổi để khác biệt của các học sinh trung học</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- <b>Bài tập</b></li></ul> <p>Trong suốt 24 giờ, mỗi người phải cố gắng để trở nên khác biệt</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- <b>Mục đích</b></li></ul> <p>Bộc lộ một phiên bản chân thực hơn về bản thân trước những người xung quanh</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- <b>Yêu cầu</b></li></ul> <p>Không được gây hại, làm phiền người khác hoặc vi phạm nội quy nhà trường</p>
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</b></p> <p><b>Hình thức: gv tổ chức kĩ thuật “CẶP ĐÔI CHIA SẺ” lựa chọn</b></p>	<p><b>2. Bàn luận về vấn đề nghị luận</b></p> <p><b>a. Cách dùng bằng chứng để làm rõ vấn đề sự khác biệt</b></p>

cặp đôi và hoàn thành Phiếu học tập

**Thời gian:** 5 phút

Nhóm:.....Lớp:.....

*Phiếu học tập*



	Khác biệt vô nghĩa	Khác biệt có nghĩa
Biểu hiện	.....	.....
Kết quả	.....	.....

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS chia nhóm hoàn thành PHT, trả lời câu hỏi của GV

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

HS báo cáo kết quả, nhận xét.

**Bước 4: Kết luận, nhận định.**

GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức.

Khác biệt vô nghĩa là sự khác biệt bề ngoài, có tính chất dễ dãi. Đó có thể là cách ăn mặc, kiểu tóc, những động tác lạ mắt, sự sôi động ồn ào gây chú ý. Vì dễ, cho nên hầu như ai muốn cũng có thể bắt chước. Ngược lại, muốn tạo sự khác biệt có ý nghĩa, con người cần có trí tuệ, biết nhận thức về các giá trị, phải có các năng lực cần thiết, có bản lĩnh, sự tự tin. Những năng lực và phẩm chất

	Khác biệt vô nghĩa	Khác biệt có nghĩa
<b>Biểu hiện</b>	<p><u>Tôi và các bạn</u></p> <p><u>Tôi:</u> đến trường với bộ trang phục kì dị, bộ đồ pi-gia-ma kết hợp với áo thun dài tay.</p> <p><u>Các bạn:</u></p> <p>+ Để kiểu tóc kì quặc</p> <p>+ Làm trò quái đản với trang sức và đồ trang điểm</p> <p>+ Tham gia những hoạt động ngu ngốc để gây chú ý</p>	<p><u>Bạn J</u></p> <p>+ Vẫn đến lớp, ăn mặc như mọi ngày</p> <p>+ Đứng lên trả lời câu hỏi</p> <p>+ Phát biểu một cách tự tôn, lịch sự, “Thưa thầy, thưa cô”</p> <p>+ Cuối tiết học, tiến lên phía trước và bắt tay thầy giáo như một lời cảm ơn thâm lắng.</p>
<b>Kết quả</b>	<p>→ Nhiều bạn làm tương tự</p> <p>→ không khác biệt</p>	<p>→ Sự khác biệt</p> <p>+ Ban đầu: các bạn cười</p>

quý giá ấy không phải ai cũng có được.

+ Trở nên lố bịch, kì quái	+ Về sau: nề phục và được mọi người đặc biệt chú ý hơn
+ Nhận ra “Sự khác biệt vô nghĩa”	

➔ Cách thể hiện sự khác biệt của mỗi người là khác nhau

**b. Dùng lí lẽ để làm rõ vấn đề sự khác biệt**

\* **Lí lẽ:** “Điều tôi học được từ bài tập này là: sự khác biệt vô nghĩa và một loại khác biệt có ý nghĩa”

- *Khác biệt vô nghĩa:*  
 Những trò quái đản, kì quặc nhưng dễ dàng tạo ra; chiếm đa số

- *Khác biệt có nghĩa:*  
 Những hành xử trang trọng, chững chạc, mẫu mực, cần sự dung cảm thể hiện; chiếm số ít

➔ **Điều mà con người hướng tới**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV đặt câu hỏi gợi dẫn
- + Từ những bằng chứng đưa ra, tác giả đã rút ra điều cần bàn luận là gì?
- + Em có đồng tình với ý kiến của tác giả không? Vì sao?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

**3. Kết thúc vấn đề nghị luận**

- **Khẳng định hai loại khác biệt:**
- + Bỏ qua nhóm tạo sự khác biệt vô nghĩa
- + Đề cao giá trị của sự khác biệt thực sự, có ý nghĩa ở mỗi người sẽ khiến mọi người đặc biệt chú ý.

<p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</b></p> <p>- HS trả lời câu hỏi</p> <p><b>Bước 4: Kết luận, nhận định.</b></p> <p>GV kết luận và nhấn mạnh, mở rộng kiến thức.</p> <p><b>Gv đặt câu hỏi mở rộng: Nhận xét về cách triển khai bố cục của tác giả?</b></p> <p>- <i>Đoạn mở đầu: tác giả kể một hồi ức tuổi học trò: giáo viên giao một bài tập để học sinh tự do thể hiện sự khác biệt</i></p> <p>- <i>Các đoạn tiếp: câu chuyện xoay quanh sự lựa chọn của các bạn học sinh</i></p> <p>→ <i>Khác biệt có nghĩa và khác biệt vô nghĩa</i></p> <p>- <i>Đoạn cuối: khẳng định sự khác biệt có nghĩa mới là điều mà chúng ta hướng tới</i></p> <p>→ <i>Đi từ thực tế để rút ra điều cần bàn luận → Vấn đề trở nên gần gũi, nhẹ nhàng, dễ tiếp cận</i></p>	
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <p>- GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài</p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p>	<p><b>III. Tổng kết</b></p> <p><b>1. Nghệ thuật</b></p> <p>- Lí lẽ, dẫn chứng phù hợp, cụ thể, có tính thuyết phục cao</p>

<p><b>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</b></p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</b></p> <p>- HS trả lời câu hỏi</p> <p>- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động</b></p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức</p>	<p>- Cách triển khai nhẹ nhàng, không mang tính chất giáo lí.</p> <p><b>2. Nội dung</b></p> <p>Khẳng định sự khác biệt có nghĩa luôn là điều xã hội cần.</p>
---	--

### Hoạt động 3: Luyện tập

**a. Mục tiêu:** củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV tổ chức trò chơi **CÂU CÁ CÙNG DORAEMON**

**Câu 1: Văn bản “Hai loại khác biệt” bàn về vấn đề gì?**

**A: Quan điểm sống**

B: Việc học tập

C. Sự cầu tiến

D: Nhân cách con người

**Câu 2: Bài tập mà giáo viên đưa ra trong bài học là gì?**

**A: Trong 24h trở nên khác biệt với mọi người**

B: Trong 24h trở nên hòa đồng với mọi người

C: Trong 12h trở nên khác biệt với mọi người

D: Trong 12h trở nên hòa đồng với mọi người

**Câu 3: Văn bản “Hai loại khác biệt” thuộc thể loại gì?**

- A. Hồi Kí
- B. Tiểu thuyết
- C. Văn nghị luận**
- D. Kịch

**Câu 4: Nhân vật tôi trong văn bản đã trở nên khác biệt bằng cách nào?**

- A: Làm những hành động gây chú ý
- B: Trang điểm kì quặc
- C. Trang phục kì lạ**
- D: Để kiểu tóc kì lạ

**Câu 5: Trong văn bản, ý nào KHÔNG phải là sự khác biệt mà các bạn học sinh lựa chọn?**

- A: Mặc quần áo kì lạ
- B: Nhào lộn
- C: Tự tập chơi nhạc cụ**
- D: Để kiểu tóc kì quặc

**Câu 6: Văn bản “Hai loại khác biệt” được trích từ đâu?**

- A. Khác biệt- thoát khỏi bầy đàn cạnh tranh**
- B. Tạp chí sông Lam
- C. Văn học và cuộc sống
- D. Văn học và nhà trường

**Câu 7. Nêu cảm nghĩ của em về nhân vật J trong bài.**

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

#### **Hoạt động 4: Vận dụng**

- a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.
- b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.
- c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**



- GV yêu cầu HS:

+ Theo em, bài học về sự khác biệt được rút ra từ văn bản này có phải chỉ có giá trị đối với học sinh hay không? Vì sao?

+ Với câu mở đầu: “Tôi không muốn khác biệt vô nghĩa....” hãy viết tiếp 5-7 câu để hoàn thành đoạn văn.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**Rút kinh nghiệm**

.....

.....

.....

Ngày soạn: ...../...../.....

Ngày dạy: ...../...../.....

## TIẾT..... THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

### I. Mục tiêu

#### 1. Kiến thức

- HS hiểu được tác dụng của việc lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu trong việc biểu đạt ý nghĩa.
- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

#### 2. Năng lực

##### a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

##### b. Năng lực riêng biệt

- HS hiểu được tác dụng của việc lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu trong việc biểu đạt ý nghĩa.
- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

#### 3. Phẩm chất

- Thái độ học tập nghiêm túc.

### II. Thiết bị dạy học và học liệu

#### 1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 6 tập hai, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v...

### III. Tiến trình dạy học

## Hoạt động 1: Khởi động

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- *GV tổ chức cho HS đọc tình huống sau và đặt câu hỏi: Theo em, cách nói nào là phù hợp. Vì sao?*

*Lan và Mai đang nô đùa dưới sân trường. Bỗng nhiên có một chú chim con rơi xuống, nó đã chết.*

*Lan nói: Chú chim đẹp thật đấy, nhưng nó chết mất rồi!*

*Mai liền đáp lại: con chim đẹp như vậy, đáng thương như vậy, cậu phải nói là chú chim đã hi sinh chứ.*

- *HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và trả lời*

- *GV dẫn dắt vào bài học mới: Như vậy, việc lựa chọn từ ngữ hay cấu trúc câu trong tạo lập văn bản có vai trò rất quan trọng, thể hiện được nội dung, thông điệp mà người viết muốn truyền tải. Đồng thời, thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ, dấu ấn cá nhân của người viết. Bài học hôm nay chúng ta cùng thực hành về cách lựa chọn từ ngữ, cấu trúc câu trong văn bản.*

## Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách lựa chọn từ ngữ phù hợp trong văn bản.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<b>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</b> - GV đặt câu hỏi:	<b>I. Hình thành kiến thức</b>

+ Hãy tìm những từ cùng nghĩa với từ in đậm: **“noi gương”**

+ Trong nói và viết, em có thường xuyên cân nhắc, lựa chọn khi sử dụng từ ngữ không?

+ Theo em, muốn lựa chọn từ ngữ phù hợp trong câu, ta cần phải làm gì?

+ Khi viết câu, em cần chú ý những yếu tố nào?

### **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện nhiệm vụ

### **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS trả lời câu hỏi

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

### **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

Muốn sử dụng từ ngữ phù hợp với văn bản và đạt hiệu quả sử dụng cao, cần chú ý tới nghĩa của từ mà chúng ta định sử dụng. Đồng thời, lựa chọn cấu trúc câu trong văn bản cần chú ý tới ngữ cảnh, mục đích

## **1. Nhận biết tác dụng của việc lựa chọn từ ngữ trong câu**

*Vì lẽ đó, xưa nay, đã có không ít người tự vượt lên chính mình nhờ **noi gương** những cá nhân xuất chúng.*

**Các từ cùng nghĩa:** học theo, làm theo, bắt chước,...

→ Trong khi nói hoặc viết, lựa chọn từ ngữ là thao tác diễn ra thường xuyên.

→ Ở bất cứ vị trí nào trong câu, **hiều từ** có thể được sử dụng, chỉ có **một từ** được xem là **phù hợp**.

→ Cần lựa chọn, sử dụng từ ngữ phù hợp, nhất là trong khi nói và viết

## **2. Nhận biết tác dụng của việc lựa chọn cấu trúc câu**

*“**Càng** lớn, tôi **càng** hiểu nỗi lòng, mong ước của mẹ hơn.”*

- Cấu trúc câu có cặp quan hệ từ *càng...càng*, người viết đã thể hiện được ý: sự nhận thức của con về tình mẹ là một quá trình, nó sâu sắc và đầy đặn hơn theo thời gian và sự trưởng thành của con

→ Việc lựa chọn cấu trúc câu là hành động có chủ ý, vì mỗi kiểu cấu trúc đưa đến một giá trị biểu đạt riêng.

→ **Việc lựa chọn cấu trúc câu cần:**

+ Đúng ngữ pháp

viết/nói, đặc điểm văn bản để chọn cấu trúc phù hợp.	+ Phải chú ý tới ngữ cảnh, mục đích nói/ viết, đặc điểm VB để chọn cấu trúc phù hợp.
--	--

### Hoạt động 3: Luyện tập

**a. Mục tiêu:** biết sử dụng kiến thức vừa học để giải quyết các bài tập

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <p>- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm để hoàn thành bài tập</p> <p>- <b>Bài tập 1</b></p> <p>+ Nhóm 1: câu a</p> <p>+ Nhóm 2: câu b</p> <p>+ Nhóm 3: câu c</p> <p>- <b>Bài tập 3</b></p> <p>+ Nhóm 1: câu a</p> <p>+ Nhóm 2: câu b</p> <p>+ Nhóm 3: câu c</p> <p>- <b>Bài tập 4:</b> cả lớp cùng hoàn thiện vào vở</p> <p><b>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</b></p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</b></p> <p>- HS trả lời, hoàn thành bài tập</p>	<p><b>Bài tập 1</b></p> <p><b>a. → Không thể dùng từ “kiểu” để thay cho từ “vẻ” được. Hai từ này tuy gần nghĩa nhưng vẫn có những nét khác nhau.</b></p> <p>+ Từ “kiểu” thường dùng để nói về hành động của con người (<i>kiểu ăn nói, kiểu đi đứng, kiểu ăn mặc,...</i>) hoặc một dạng riêng của đối tượng (<i>kiểu nhà, kiểu quần áo, kiểu tóc, kiểu bài, ...</i>)</p> <p>+ Từ “vẻ” dùng để chỉ đặc điểm, tính cách của con người (<i>vẻ trầm ngâm, vẻ sôi nổi, vẻ lo lắng,...</i>)</p> <p><b>b. → Từ “khuất” dùng trong câu: “Giờ đây, mẹ tôi đã khuất và tôi cũng đã lớn” phù hợp hơn so với một số từ khác cũng có nghĩa là “chết” như: mất, từ trần, hi sinh...</b></p> <p>+ Nhắc đến cái chết của mẹ, người con dùng từ “khuất” thể hiện cách nói giảm, nhằm giấu bớt nỗi đau mất mát.</p>

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

c. + Trong tiếng Việt, “*xúc động, cảm xúc, xúc cảm*” là những từ gần nghĩa chứ không hoàn toàn đồng nghĩa với nhau.

+ *Xúc động*: biểu hiện cảm xúc mạnh hơn so với “*cảm động*” hay “*xúc cảm*”.

➔ *Vì vậy từ “xúc động” là lựa chọn phù hợp nhất.*

**Bài tập 3**

a. *Giờ đây khi hồi tưởng lại, tôi đoán bạn có thể nói rằng bài tập là một kỉ niệm khó quên.*

+ Cụm từ “*giờ đây khi hồi tưởng lại*” là trạng ngữ thông báo về thời gian xảy ra sự việc.

+ Nếu bỏ trạng ngữ, câu chỉ còn lại thành phần nòng cốt (gồm chủ thể và hành động của chủ thể), không nói rõ, hành động đó xảy ra vào lúc nào.

b. *Câu “Cậu đã đứng lên và trả lời câu hỏi” cho biết hành động “đứng lên” phải diễn ra trước khi “trả lời câu hỏi”.*

Nếu viết lại thành: “*Cậu đã trả lời câu hỏi và đứng lên*” thì các hành động không theo trật tự hợp lí như từng xảy ra trong thực tế.

c. *“Đến cuối tiết học, cậu tiến lên phía trước và bắt tay thầy giáo như một lời cảm ơn thầm lặng.”*

Phải sử dụng câu gốc, bởi sự việc được diễn ra theo thứ tự trước sau: “*tiến lên phía trước*” rồi mới có thể “*bắt tay thầy giáo*”, vì thầy ở phía trên

bục giảng, J cùng các bạn ngồi ở bàn học sinh, phía dưới

#### Bài tập 4

<b>Câu a</b>	<b><u>Câu gốc</u></b>	<b><u>Câu thay đổi</u></b>
	<i>Tôi không rõ tại sao cậu lại làm thế; có lẽ cậu thực sự có điều gì đó muốn nhắn nhủ với chúng tôi.</i>	<i>Có lẽ cậu thực sự có điều gì đó muốn nhắn nhủ với chúng tôi; tôi không rõ tại sao cậu lại làm thế</i>
<b>So sánh sự khác biệt về nghĩa</b>	<p>Có số về câu là: <b>2 về</b></p> <p><b>Nghĩa về đầu:</b> Nêu bản khoản về một điều chưa rõ</p> <p><b>Nghĩa về sau:</b> Đưa ra một dự đoán nhằm giải thích cho điều chưa rõ ở trên</p>	<p>Nếu thay đổi cấu trúc dẫn đến những thay đổi:</p> <p>Lời giải thích lại xuất hiện trước điều bản khoản.</p>
<b>Lựa chọn</b>	x	Sự thay đổi đó có ổn không? Không hợp lí

<b>Câu b</b>	<b><u>Câu gốc</u></b>	<b><u>Câu thay đổi</u></b>
--------------	-----------------------	----------------------------

		<i>Tuy nhiên, đây không phải là điều quá nghiêm trọng, và càng không phải là "căn bệnh" hết cách chữa.</i>	<i>Tuy nhiên, đây không phải là "căn bệnh" hết cách chữa và càng không phải là điều quá nghiêm trọng.</i>
	<b>So sánh sự khác biệt về nghĩa</b>	Có số vé câu là: <b>2 vé</b> <b>Mối quan hệ về nghĩa giữa hai vé:</b> Mối quan hệ tăng tiến Vé nào diễn đạt có tính chất cao hơn? Vé 2 có tính chất cao hơn	Nếu thay đổi cấu trúc dẫn đến những thay đổi: Câu thay đổi cấu trúc đã đảo ngược tương quan này
	<b>Lựa chọn</b>	x	Sự thay đổi đó có ổn không? Không hợp lí

#### Hoạt động 4: Vận dụng

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- GV tổ chức trò chơi: DORAEMON VÀ CHIẾC BÁNH RÁN**

1. Điền từ thích hợp vào chỗ trống.



*“Bị cười, không phải mọi người đều.....giống nhau”*

**A: Phản ứng**

2. Điền từ thích hợp vào chỗ trống.

*“Trên đời, không ai.....cả”*

**B: Hoàn hảo**

3. Điền từ thích hợp vào chỗ trống.

*“ Đi đường, phải luôn luôn..... để tránh xảy ra tai nạn”*

**D: Quan sát**

4. Điền từ thích hợp vào chỗ trống.

*“Ngoài.... .....của bản thân, tôi còn được bạn bè, thầy cô thường xuyên động viên, khích lệ”*

**A: Nỗ lực**

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**Rút kinh nghiệm**

.....

.....

.....

Ngày soạn: ...../...../.....

Ngày dạy: ...../...../.....

## TIẾT.....: BÀI TẬP LÀM VĂN

*Rơ-nê Gô-xi-nhi và Giăng-giắc Xăng-pê*

### I. Mục tiêu

#### 1. Kiến thức

- Nhận biết được đặc điểm nổi bật của truyện: lời kể chuyện hài hước vui nhộn, lời đối thoại sinh động, hấp dẫn.
- HS hiểu được nội dung của truyện
- Học sinh hiểu được sự khác nhau căn bản giữa văn bản nghị luận và văn bản văn học, ngay cả khi chúng cùng đề cập đến một vấn đề nào đó trong cuộc sống.
- Tóm tắt được truyện.

#### 2. Năng lực

##### a. Năng lực chung:

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

##### b. Năng lực riêng:

- Thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Bài tập làm văn*.
- Trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Bài tập làm văn*
- Hợp tác, trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa đoạn trích.

#### 3. Phẩm chất:

- Sống trung thực, thể hiện được những suy nghĩ riêng của bản thân.

### II. Thiết bị dạy học và học liệu

#### 1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Các phương tiện kỹ thuật

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

### III. Tiến trình dạy học

#### Hoạt động 1: Khởi động

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**GV cho học sinh chia sẻ về vấn đề sau: Khi gặp một bài tập về nhà khó, em sẽ làm gì?**

+ Nhờ anh chị hướng dẫn

+ Nhờ anh chị làm hộ

+ Nhờ bố mẹ hướng dẫn

+ Nhờ bố mẹ làm hộ

- Hs suy nghĩ, chia sẻ về vấn đề

- **GV dẫn dắt vào bài mới:** Các em ạ, có lẽ, chúng ta ai cũng đã ít nhất một lần nhờ người thân, hay bạn bè giúp đỡ mình làm bài tập. Điều đó là rất cần thiết. Nhưng trong tình huống, em cần viết một bài văn, đặc biệt là kiểu văn miêu tả, tự sự thì chúng ta có nên nhờ không? Việc nhờ người khác viết văn hộ có giúp em phát huy được năng lực của bản thân và bộc lộ được suy nghĩ, tâm tư, tình cảm trong lòng mình không nhỉ? Cô hi vọng, câu chuyện của một bạn nhỏ trong VB “Bài tập làm văn” sẽ giúp các em đưa ra lựa chọn cho mình nhé!

#### Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về thể loại, tác giả, tác phẩm và giải nghĩa từ khó trong văn bản.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

<b>HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS</b>	<b>DỰ KIẾN SẢN PHẨM</b>
<p><b>Thao tác 1: đọc- chú thích</b></p> <p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- GV yêu cầu HS: đọc văn bản trước lớp</li><li>- Gv giải thích một số từ khó cho học sinh.</li><li>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</li></ul> <p><b>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- HS thực hiện nhiệm vụ.</li></ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- HS theo dõi sgk</li><li>- GV quan sát, hỗ trợ</li></ul> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- GV nhận xét, đánh giá</li></ul> <p><b>Thao tác 2: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm</b></p> <p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- GV yêu cầu HS tìm hiểu các yếu tố:</li></ul> <p>+ Tác giả</p>	<p><b>I. Đọc- Tìm hiểu chung</b></p> <p><b>1. Đọc- chú thích</b></p> <p><b>a. Đọc</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Gv gọi học sinh đọc phân vai</li><li>- <b>Giọng đọc:</b> to, rõ ràng, thể hiện đúng cảm xúc, thái độ của nhân vật</li></ul> <p><b>b. Chú thích</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- <b>Khăn mùi soa:</b> khăn nhỏ và mỏng, thường bỏ túi để lấy lau mặt cho tiện</li><li>- <b>Sắt:</b> nhấn mạnh sự phủ định.</li><li>- <b>Châu:</b> hướng về, nhìn</li><li>- <b>Guộ:</b> chờ một lát</li><li>- <b>Lẹt đẹt:</b> chậm chậm, kém cỏi, không theo kịp người khác</li><li>- <b>Phật ý:</b> không vui, không được vừa ý</li></ul> <p><b>2. Tìm hiểu chung</b></p> <p><b>a. Tác giả:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- <b>Rơ-nê Gô-xi-nhi</b> (1926 -1977), là nhà văn Pháp, chuyên sáng tác truyện tranh,viết kịch, làm phim.</li></ul>

+ Tác phẩm: thể loại, xuất xứ, PTBĐ, bố cục...

+ GV tổ chức tìm hiểu những chi tiết chính trong truyện dựa vào sơ đồ sau:



- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện nhiệm vụ.

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- HS trả lời câu hỏi

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức

- **Giăng-giắc Xăng-pê** (Sinh năm 1932), là họa sĩ người Pháp, chuyên vẽ truyện tranh và tranh biếm họa.

**b. Tác phẩm**

- **Thể loại:** truyện ngắn

- **Xuất xứ:** Trích “Nhóc Ni-cô-la: những chuyện chưa kể”, tập 1, Trác Phong, Hương Lan dịch, NXB Hội nhà văn và Nhã Nam, 2016

- **PTBĐ:** tự sự

- **Ngôi kể:** ngôi thứ nhất

- **Bố cục:** 3 phần

+ **Phần 1:** (Từ đầu ... đến *Bố tôi í à, rất là tuyệt*)

➔ Giới thiệu tình huống câu chuyện

+ **Phần 2:** (Tiếp ... đến *Ông Blê-đúc rất tức giận*)

➔ Ni-cô-la nhờ bố làm bài tập làm văn và kết quả

+ **Phần 3:** Phần còn lại

➔ Ni-cô-la tự làm bài của mình

- **Tóm tắt:** Ni-cô-la có bài tập làm văn miêu tả người bạn thân nhất của mình và cậu muốn bố của mình giúp. Khi bố cùng cậu lập dàn ý, bố yêu cầu chọn một người bạn thân nhất và các đức tính mà Ni-cô-la thích ở bạn. Sau khi Ni-cô-la kể ra một loạt các cậu bạn của mình thì bố hơi ngạc

	<p>nhiên và khẳng định là khó hơn bố tưởng. Bất ngờ lúc đó ông Blê-đúc xuất hiện và muốn giúp Ni-cô-la hoàn thành nhanh bài tập, nhưng bố của Ni-cô-la lại không đồng ý. Hai người tranh cãi nảy lửa với nhau. Cuối cùng, Ni-cô-la quyết định tự làm. Kết quả bài viết được điểm cao và được cô giáo khen ngợi. Chỉ có điều, sau đó, bố Ni-cô-la và ông hàng xóm Blê-đúc không còn nói chuyện với nhau nữa.</p>
--	---

## Hoạt động 2: Khám phá văn bản

### a. Mục tiêu:

- Nêu được tình huống, diễn biến và kết thúc của câu chuyện

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

### d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <p>- GV đặt câu hỏi gợi dẫn HS</p> <p>+ Ni-cô-la nhờ bố việc gì?</p> <p>+ Do đâu khi làm bài tập làm văn, Ni-cô-la phải nhờ đến bố?</p> <p>+ Em nghĩ sao về việc Ni-cô-la nhờ bố làm hộ bài tập?</p> <p><b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ</b></p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</b></p>	<p><b>II. Khám phá văn bản</b></p> <p><b>1. Tình huống của câu chuyện</b></p> <p><b>BÀI TẬP LÀM VĂN</b></p> <p><b>Đề bài:</b> “Tình bạn; hãy miêu tả người bạn thân nhất của em”</p> <p>- Ni-cô-la nhờ bố giúp làm bài tập làm văn vì:</p> <p>+ Có thể <i>Ni-cô-la</i> vốn học yếu về môn văn, không tự tin khi làm bài.</p> <p>+ Do đề văn hơi khó, <i>Ni-cô-la</i> cảm thấy chật vật.</p>

<p>- HS trả lời câu hỏi</p> <p>- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động</b></p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức</p>	<p>+ Có thể trong học tập, <i>Ni-cô-la</i> thường có thói quen dựa dẫm, không tự lực....</p> <p>➔ Việc nhờ bố làm hộ bài văn cũng là điều không thể chấp nhận được</p>
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</b></p> <p><b>- GV đặt câu hỏi gợi dẫn:</b></p> <p>+ Vì sao bố của Ni-cô-la tỏ ra sốt sắng muốn giúp cậu con trai làm bài tập làm văn?</p> <p>+ Bố cho Ni-cô-la cho rằng, việc làm bài thay cho con là điều cần thiết không?</p> <p>+ Ai là người bạn thân nhất của cậu bé? Điều đó khiến cả bố Ni-cô-la và ông Blê-đúc cần phải biết khi làm tập làm văn. Vì sao vậy?</p> <p>+ Vì sao Ni-cô-la sau khi đã kể ra nhiều người bạn thân của mình mà bố của cậu ấy vẫn thấy khó viết?</p> <p>+ Bố của Ni-cô-la và ông hàng xóm Blê-đúc xảy ra tranh luận vì lí do gì?</p> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</b></p> <p>- HS trả lời câu hỏi của GV</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</b></p> <p>HS báo cáo kết quả, nhận xét.</p>	<p><b>2. Diễn biến câu chuyện Ni-cô-la nhờ bố làm hộ bài tập</b></p> <p><b>a. Phản ứng của bố</b></p> <p><b>- Thái độ</b></p> <p>+ Sốt sắng, hào hùng, vui vẻ khi con trai nhờ.</p> <p>+ Muốn thể hiện bản thân mình, chứng minh bố là người rất giỏi môn Văn</p> <p>+ <b>Giọng kể:</b> hài hước, hóm hỉnh</p> <p><b>- Hành động:</b></p> <p>+ Hỏi về người bạn thân nhất của con</p> <p>+ Yêu cầu chọn một người bạn và kể ra những đức tính Ni-cô-la thích ở người bạn đó.</p> <p>+ Tròn mắt ra nhìn khi con liệt kê ra một loạt những người bạn.</p> <p>➔ <i>Làm bài tập hộ con không hề dễ</i></p> <p><b>* Bố vẫn thấy khó dù Ni-cô-la giới thiệu cho bố về rất nhiều người bạn thân của mình: Vì</b></p> <p>- Bố không phải là bạn của họ</p>

**Bước 4: Kết luận, nhận định.**

GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức.

- Bố không hiểu biết gì về sở thích, tính tình, sở trường, hoàn cảnh gia đình, các mối quan hệ của họ

- Bố không thể viết về người hoàn toàn xa lạ

➔ **Không thể làm bài văn hộ con.**

**b. Cuộc tranh luận về bài tập của cậu bé**

- Bố của Ni-cô-la và ông hàng xóm Blê-đúc xảy ra tranh luận vì bài tập của Ni-cô-la, ai cũng muốn giúp cậu bé hoàn thành bài tập thật nhanh.

- Sau màn công kích lẫn nhau, bố Ni-cô-la đã vẩy mực vào ca-vát của ông Blê-đúc, ông rất tức giận.

➔ *Bố Ni-cô-la và ông hàng xóm Blê-đúc không còn nói chuyện với nhau nữa.*

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

**Hình thức:** học sinh hoàn thành phiếu học tập cá nhân

**Thời gian:** 3 phút

Tên:.....Lớp:.....

*Phiếu học tập*

**Kết thúc truyện:**

.....

.....

**Bài học rút ra**

.....

.....

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

**3. Kết thúc truyện và bài học rút ra**

**- Kết thúc:**


+ Ni-cô-la tự mình làm bài văn về người bạn là Ác-nhăng

+ Kết quả: làm được một bài văn tốt và được điểm cao, cô giáo khen “Bài viết rất cá tính, đề tài độc đáo”

+ Suy nghĩ: “Tôi hiểu rằng bài tập làm văn của tôi thì tốt nhất là tôi tự làm một mình”

**- Bài học rút ra**



<p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</b></p> <p>- HS hoàn thành PHT</p> <p><b>Bước 4: Kết luận, nhận định.</b></p> <p>GV kết luận và nhấn mạnh, mở rộng kiến thức.</p> <p><b>Gv chiếu hình ảnh những tấm gương vượt khó học tập</b></p> 	<p>+ Tin tưởng vào khả năng của bản thân</p> <p>+ Dũng cảm đối mặt với khó khăn</p> <p>+ Kiên trì để vượt qua thử thách</p>
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <p>- GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài</p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p><b>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</b></p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</b></p> <p>- HS trả lời câu hỏi</p> <p>- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động</b></p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức</p>	<p><b>III. Tổng kết</b></p> <p><b>1. Nghệ thuật</b></p> <p>- Nghệ thuật kể chuyện vui nhộn, giọng kể có phần hài hước.</p> <p>- Ngôn ngữ đối thoại sinh động, hấp dẫn.</p> <p>- Cốt truyện giản dị, gần gũi, giàu ý nghĩa.</p> <p><b>2. Nội dung</b></p> <p>- Trong học tập, hoạt động nhóm, trao đổi giúp đỡ nhau là điều cần thiết, tuy nhiên viết một bài tập làm văn phải là hoạt động cá nhân, không thể hợp tác như làm những công việc khác</p> <p>- Sống trung thực, thể hiện được những suy nghĩ riêng của bản thân.</p>

### Hoạt động 3: Luyện tập

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV tổ chức trò chơi **CÂU CÁ CÙNG DORAEMON**

**1. Bài tập làm văn thuộc thể loại nào?**

A. Truyện ngắn

**2. Đâu là nhân vật không xuất hiện trong bài?**

D. Bà Ni-cô-la

**3. Trong “Bài tập làm văn”, theo lời bố Ni-cô-la kể, ông được các thầy cô khen là có tác giả nào sau đây trong người?**

B. Ban-zắc

**4. Ni-cô-la đã nhờ bố giúp đỡ điều gì?**

A. Làm hộ bài tập làm văn

**5. Kết thúc bài tập, mối quan hệ của bố Ni-cô-la và Blê-đúc ra sao?**

D. Không còn nói chuyện với nhau nữa

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

### Hoạt động 4: Vận dụng

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: **Nếu gặp một đề văn như của Ni – cô – la, theo em việc đầu tiên phải làm là gì?**

+ Cố gắng suy nghĩ, để tự mình viết theo cảm xúc và suy nghĩ, cũng như những cảm nhận riêng về bạn thân.

+ Hình dung, cảm nhận về người bạn thân nhất: ngoại hình, cá tính, sở thích, mối quan hệ của bạn với mọi người...

+ Luôn suy nghĩ tích cực về bạn để có cái nhìn thật đẹp về bạn.

+ Có thể hỏi người thân nhưng không nhờ viết giúp mà là các gợi ý nếu thật cần thiết để có cái nhìn về bạn mình toàn diện hơn.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**Rút kinh nghiệm**

.....  
.....  
.....

Ngày soạn: ...../...../.....

Ngày dạy: ...../...../.....

**Tiết.....: VIẾT**

## **VIẾT BÀI VĂN TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG MÀ EM QUAN TÂM**

### **I. Mục tiêu**

#### **1. Kiến thức:**

- Đặc điểm của văn bản nghị luận.
- Hiện tượng (vấn đề) bàn luận.
- Ý kiến, suy nghĩ của bản thân về vấn đề đặt ra.
- Lí lẽ, dẫn chứng phù hợp.

#### **2. Năng lực**

##### **a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

##### **b. Năng lực riêng biệt:**

- Nêu được hiện tượng (vấn đề) cần bàn luận.
- Thể hiện được ý kiến của bản thân.
- Biết dùng lí lẽ, bằng chứng và hình thức biểu đạt phù hợp.
- Bước đầu biết viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) mà em quan tâm.

#### **3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

### **II. Thiết bị dạy học và học liệu**

#### **1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v...

### III. Tiến trình dạy học

#### Hoạt động 1: Khởi động

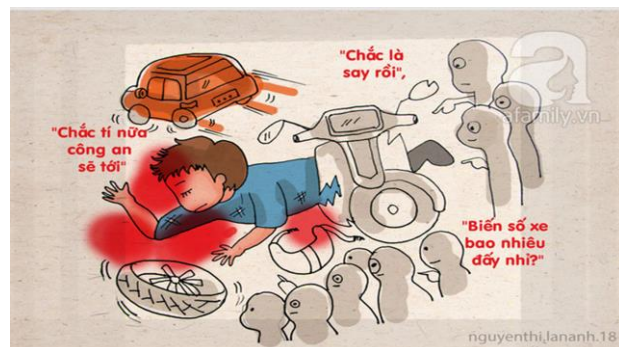
**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV đưa ra các bức tranh, HS quan sát tranh và đoán chủ đề được nhắc tới.



- GV dẫn dắt vào bài học mới:.....

## Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

### 2.1. Yêu cầu đối với bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) mà em quan tâm

**a. Mục tiêu:** HS biết được các yêu cầu đối với kiểu bài nghị luận trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề)

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</b></p> <p><i>GV đặt câu hỏi gợi dẫn:</i></p> <p>+ Dựa vào SGK, em hãy nêu những yêu cầu đối với bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) mà em quan tâm.</p> <p>+ Lấy ví dụ qua 2 văn bản: “Xem người ta kìa!” và “Hai loại khác biệt” và cho biết 2 ví dụ trên bàn về vấn đề gì? Thái độ của người viết ra sao?</p> <p><b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <p>- HS nghe câu hỏi, thảo luận nhóm và hoàn thành yêu cầu.</p> <p>- HS dựa vào SGK để trình bày các yêu cầu.</p>	<p><b>I. Yêu cầu đối với bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) mà em quan tâm</b></p> <p>- Nêu được hiện tượng (vấn đề) cần bàn luận.</p> <p>- Thể hiện được ý kiến của người viết.</p> <p>- Dùng lí lẽ và bằng chứng để thuyết phục người đọc.</p> <p><b>a. VB Xem người ta kìa!</b></p> <p><b>Bàn về vấn đề:</b> Ý nghĩa về những cái chung của mọi người và cái riêng biệt của mỗi người.</p> <p><b>Thái độ</b> của người viết: trân trọng, khẳng định sự đáng quý trong nét riêng của mỗi người.</p> <p><b>b. VB Hai loại khác biệt</b></p> <p><b>Bàn về vấn đề:</b> Sự khác biệt có ý nghĩa, sự khác biệt làm nên giá trị riêng cũng như bản sắc của mỗi người.</p>

<p><b>Bước 3: Bảo vệ kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</b></p> <p>- GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.</p> <p><b>Bước 4: Đón gió kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <p>- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức</p>	<p><b>Thái độ của người viết:</b> phủ nhận sự khác biệt vô nghĩa, trân trọng, khẳng định giá trị của khác biệt có nghĩa.</p>
--	--

## 2.2 Phân tích bài viết tham khảo

- a. Mục tiêu:** Phân tích được bài viết tham khảo
- b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <p>- GV yêu cầu HS đọc bài viết tham khảo SGK và trả lời câu hỏi</p> <p><b>“CÂU CHUYỆN ĐỒNG PHỤC”</b></p> <p>GV Tổ chức <b>HOẠT ĐỘNG NHÓM</b></p> <p>+ Bài viết trình bày ý kiến về hiện tượng (vấn đề) gì? Nhờ đâu em nhận ra điều đó?</p> <p>+ Người viết đồng tình hay phản đối hiện tượng (vấn đề)?</p> <p>+ Người viết đưa ra những lí lẽ gì để bàn về hiện tượng (vấn đề)?</p>	<p><b>II. Phân tích bài viết tham khảo</b></p> <p><b>“CÂU CHUYỆN ĐỒNG PHỤC”</b></p> <p>- <b>Hiện tượng, vấn đề:</b> Bàn về quy định học sinh mặc đồng phục khi đến trường.</p> <p>- <b>Thái độ</b> quan điểm của người viết: đồng tình với quy định mặc đồng phục đối với học sinh.</p> <p>- <b>Lí lẽ:</b></p> <p>+ Đồng phục tạo ra vẻ đẹp hài hòa.</p> <p>+ Đồng phục góp phần tạo nên bản sắc của từng trường.</p>

<p>+ Những bằng chứng (dẫn chứng) nào được sử dụng?</p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p><b>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</b></p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</b></p> <p>- HS trả lời câu hỏi</p> <p>- GV gọi HS nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</b></p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức</p>	<p>+ Đồng phục xóa cảm giác về sự phân biệt giàu nghèo.</p> <p>+ Đồng phục không làm mất đi cá tính của từng người.</p> <p><b>- Bằng chứng:</b></p> <p>+ Cảnh toàn trường tập trung, từ trên cao nhìn xuống</p> <p>+ Ví dụ về đồng phục của mỗi trường</p> <p>+ Dẫn chứng về hoàn cảnh của một số bạn trong lớp</p>
---	---

### 2.3. Thực hành viết theo các bước

- a. Mục tiêu:** Nắm được các bước viết bài văn
- b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <p>- GV hướng dẫn HS, tìm hiểu đề tài, sự kiện, các bước tìm ý, lập dàn ý...</p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p><b>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</b></p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ</p>	<p><b>III. Thực hành viết theo các bước</b></p> <p><b>1. Trước khi viết</b></p> <p><b>a. Lựa chọn đề tài:</b> Hiện tượng (vấn đề) cần bàn là gì?</p> <p><b>Chọn một trong các đề tài sau:</b></p> <p>- Tôn trọng người khác và mong muốn được người khác tôn trọng.</p>



**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- HS trả lời câu hỏi
- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức

- *Thái độ đối với người khuyết tật*
- *Noi gương những người thành công*
- *Đánh giá khả năng của bản thân*
- *Hiện tượng bắt nạt trong trường học hiện nay.*

**b. Tìm ý**

- Hiện tượng (vấn đề) gì được nêu để bàn luận?
- Ý kiến của bản thân về hiện tượng (vấn đề) như thế nào?
- Cần đưa ra những lí lẽ gì để bàn về hiện tượng (vấn đề)?
- Cần nêu những bằng chứng nào để làm sáng tỏ hiện tượng (vấn đề)?


**c. Lập dàn ý**

- **Mở bài:** Giới thiệu hiện tượng (vấn đề) cần bàn luận.
- **Thân bài:** Đưa ra ý kiến bàn luận.
  - + Ý 1 (lí lẽ, bằng chứng)
  - + Ý 2 (lí lẽ, bằng chứng)
  - + Ý 3 (lí lẽ, bằng chứng)
  - +...
- **Kết bài:** Khẳng định lại ý kiến của bản thân.

**2. Viết bài:**

**Chú ý:**

- **Mở bài:** Chọn một trong hai cách:
  - + Trực tiếp: Nêu thẳng hiện tượng

	<p>+ Gián tiếp: kể ngắn gọn một câu chuyện ngắn để giới thiệu hiện tượng (vấn đề).</p> <p>- <b>Thân bài:</b> Mỗi ý trình bày thành một đoạn văn, có lí lẽ bằng chứng cụ thể.</p> <p>+ Thể hiện rõ quan điểm của người viết.</p> <p>+ Có thể kết hợp yếu tố biểu cảm, tự sự phù hợp</p> <p><b>3. Chỉnh sửa bài viết</b></p>  <p><b>3. CHỈNH SỬA BÀI VIẾT</b></p> <p><b>Phiếu đánh giá bài viết</b></p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Yêu cầu</th> <th>Đạt</th> <th>Không đạt</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Nêu được hiện tượng (vấn đề) cần bàn luận</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>Thể hiện được ý kiến (tình cảm, thái độ, cách đánh giá,...) của người viết về hiện tượng (vấn đề)</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>Đưa ra được những lí lẽ, bằng chứng để bài viết có sức thuyết phục.</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>Đảm bảo các yêu cầu về chính tả và diễn đạt</td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table>	Yêu cầu	Đạt	Không đạt	Nêu được hiện tượng (vấn đề) cần bàn luận			Thể hiện được ý kiến (tình cảm, thái độ, cách đánh giá,...) của người viết về hiện tượng (vấn đề)			Đưa ra được những lí lẽ, bằng chứng để bài viết có sức thuyết phục.			Đảm bảo các yêu cầu về chính tả và diễn đạt		
Yêu cầu	Đạt	Không đạt														
Nêu được hiện tượng (vấn đề) cần bàn luận																
Thể hiện được ý kiến (tình cảm, thái độ, cách đánh giá,...) của người viết về hiện tượng (vấn đề)																
Đưa ra được những lí lẽ, bằng chứng để bài viết có sức thuyết phục.																
Đảm bảo các yêu cầu về chính tả và diễn đạt																

### Hoạt động 3: Luyện tập

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Chọn một trong các đề tài sau:**

- Tôn trọng người khác và mong muốn được người khác tôn trọng.
- Thái độ đối với người khuyết tật
- Noi gương những người thành công
- Đánh giá khả năng của bản thân
- Hiện tượng bắt nạt trong trường học hiện nay.
- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

## Hoạt động 4: Vận dụng

a. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. **Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS làm đề bài sau:



**GV hướng dẫn HS cách làm dạng đề**

a. **Tìm hiểu đề.**

- ❖ Kiểu bài: Nghị luận
- ❖ Hiện tượng (vấn đề): Thái độ đối với người khuyết tật

b. **Tìm ý**

- ❖ Thế nào là người khuyết tật?
- ❖ Họ đã phải trải qua cuộc sống như thế nào?
- ❖ Chúng ta cần có thái độ như thế nào đối với những người kém may mắn đó?
- ❖ **Lí lẽ**

**Cần có thái độ đúng đắn**

- ✓ Không kì thị người khuyết tật

- ✓ Không chê bai, cười đùa, nhạo báng người khuyết tật
- ✓ Giúp đỡ, động viên, khích lệ họ trong điều kiện cho phép
- ✓ Yêu thương, trân trọng cuộc sống của chính mình
- ❖ *Bằng chứng:*
  - *Mở rộng vấn đề: kể tên một số tấm gương khuyết tật vượt khó: Nguyễn Ngọc Kí.... Tấm gương 10 năm cõng bạn đến trường*
  - Lên án, phê phán những con người có thái độ chưa tốt, chưa đúng
  - Bài học (thông điệp) em muốn nhắn gửi : “Hãy yêu thương những mảnh đời bất hạnh”

### **Bài viết tham khảo**

Hiện nay chúng ta vẫn thường gặp những trường hợp hay vấn đề đáng quan tâm trong cuộc sống . Và trong tất cả những vấn đề cần quan tâm mà em đã từng trải nghiệm , thì đáng chú ý nhất là vấn đề về thái độ của mỗi chúng ta đối với những người tàn tật .

Trên đất nước tươi đẹp của chúng ta không phải ai sinh ra cũng có được một cuộc sống , một cơ thể lành mạnh , có những người mất đi sự may mắn ngay khi vừa mới chào đời , họ bị khuyết tật , cơ thể có khuyết điểm kì dị chẳng được giống với những người bình thường như chúng ta , họ có thể bị liệt một hay hai cánh tay , bị liệt ở chân khó có thể di chuyển và đi lại một cách dễ dàng . Chúng ta cảm thấy mình thật may mắn khi có được một cơ thể đầy đủ ít mắc khuyết điểm , vô cùng lành mạnh , nhưng không phải chỉ cảm thấy chúng ta may mắn mà còn phải thương những con người tàn tật đang cố gắng chống chọi lại với cuộc sống thiếu thốn và khó khăn . Và như chúng ta thường thấy thì trong xã hội thời buổi hiện nay của chúng ta có rất ít người rủ lòng thương , giúp đỡ những người tàn tật , đa số chủ yếu là khinh thường , mỉa mai và chê trách về những khuyết điểm kì dị của họ , không những thế còn nhẫn tâm chà đạp lên niềm tin , sự quyết tâm của họ . Họ đã không được may mắn như chúng ta , những khuyết yếu chẳng đáng có đó đã hành hạ cuộc sống của họ , và họ cần lắm ít nhất một lời động viên từ mọi người xung quanh , họ sẽ rất buồn , vô cùng buồn khi bị người khác chê trách hay

nói là đồ tàn phế , đồ vô dụng . Thử nghĩ mà xem , nếu chúng ta cũng phải sống một cuộc sống khổ cực như họ mà bị coi là vô dụng , chẳng thể làm việc gì có ích thì cảm xúc của ta lúc đó sẽ buồn như thế nào , tuyệt vọng ra sao . Họ vẫn có cho mình một lòng tin rằng mình sẽ vượt qua tất cả bằng cách cố gắng . Chúng ta có thể thấy không phải ai khuyết tật cũng vô ích , xung quanh ta đều có những người hoàn cảnh tuy cực khổ , khó khăn , lam lũ , và lại còn tàn tật nhưng họ vẫn trở thành người có ích cho xã hội , góp phần vào công cuộc xây dựng đất nước , tiêu biểu nhất là hình ảnh của thầy Nguyễn Ngọc Kí , bị liệt cả hai cánh tay từ nhỏ , hằng ngày thầy vẫn phải cố gắng rèn luyện , tập viết bằng chân , cho dù phải trải qua biết bao nhiêu lần bị chuột rút , nhờ vào lòng quyết tâm bên bỉ đó , thầy đã học xong đại học và trở thành thầy giáo uyên bác . Các bạn thấy đấy ai cũng có một khuyết điểm cá nhân , ngay cả ta cũng có nhưng không phải ai khuyết tật cũng vô dụng , hãy động viên giúp đỡ họ để họ có thêm niềm tin vượt qua khó khăn của cuộc sống .

Mỗi chúng ta phải luôn biết yêu thương , quan tâm, chia sẻ với người khác nhất là những người khuyết tật để họ có thêm động lực vượt qua trở ngại, biết đâu những việc làm đó lại giúp chúng ta nhận lại yêu thương lúc ta gặp khó khăn , vậy nên ta phải luôn đối xử tốt với những người xung quanh mình nhất là những bạn học sinh đang ngồi trên ghế nhà trường cần phải biết điều này . Hãy cố gắng học tập tốt vâng lời ông bà cha mẹ thầy cô để mai này trở thành người có ích cho xã hội

### **Rút kinh nghiệm**

.....

.....

.....

Ngày soạn: ...../...../.....

Ngày dạy: ...../...../.....

**TIẾT .....: NÓI VÀ NGHE**  
**TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG**  
**(VẤN ĐỀ ĐỜI SỐNG)**

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức:**

- Biết cách trình bày ý kiến về một hiện tượng sao cho hấp dẫn và thuyết phục, biết lắng nghe các ý kiến nhận xét, phản hồi từ phía người nghe.
- Biết chú ý lắng nghe để nắm đầy đủ, chính xác các ý tưởng của người nói; tham gia trao đổi tích cực về vấn đề được trình bày.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân.

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v...

**III. Tiến trình dạy học**

## Hoạt động 1: Khởi động

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV tổ chức cho HS xem video

- HS: xem video và trả lời câu hỏi

*Video nói về hiện tượng gì? Trình bày suy nghĩ của em về vấn đề đó.*

- GV dẫn vào bài học:

## Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

### 2.1. Trước khi nói

**a. Mục tiêu:** biết được các thông tin cần chuẩn bị trước khi nói và tập luyện

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<b>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</b> - GV hướng dẫn HS chuẩn bị nội dung nói - HS thực hiện nhiệm vụ. <b>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</b> - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học - Các nhóm luyện nói.	<b>I. TRƯỚC KHI NÓI</b> <b>1. Chuẩn bị nội dung</b> - Chọn một hiện tượng (vấn đề) trong đời sống mà em quan tâm - Tóm lược nội dung bài viết dưới dạng đề cương. - Chú ý sự khác nhau về cách mở đầu, triển khai, kết thúc giữa các bài viết và

<p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS trình bày sản phẩm thảo luận</li> <li>- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</li> </ul> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức</li> </ul>	<p>nói để trình bày nội dung bằng ngôn ngữ phù hợp</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh dấu những chỗ cần nhấn mạnh, ghi chú thêm các số liệu, dẫn chứng...</li> </ul> <p><b>2. Tập luyện</b></p> <p>Dựa vào dàn ý và thực hiện việc trình bày ý kiến về hiện tượng đời sống trước tổ hoặc lớp. (có thể luyện tập kể trước gương khi ở nhà).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chú ý bảo đảm nội dung và cách kể để câu chuyện trở nên hấp dẫn.</li> <li>- Có thể sử dụng thêm tranh ảnh, đạo cụ...kết hợp với ngôn ngữ hình thể để bài nói thêm sinh động và hấp dẫn hơn.</li> </ul>
---	---

## 2.2. Trình bày bài nói

**a. Mục tiêu:** Biết được các kỹ năng khi trình bày bài nói.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS tiến hành tìm ý và lập dàn ý (mở đầu, triển khai, kết luận)</li> <li>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</li> </ul> <p><b>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</b></p>	<p><b>II. TRÌNH BÀY BÀI NÓI</b></p> <p><b>1. Mở đầu</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chào hỏi</li> <li>- Giới thiệu vấn đề nghị luận</li> </ul> <p><b>Ví dụ: “Tình trạng ô nhiễm môi trường hiện nay”</b></p>



- HS thực hiện nhiệm vụ.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

**LƯU Ý**

- Điều chỉnh giọng nói và tốc độ nói phù hợp

- Giọng nói truyền cảm, cách nói nghiêm túc nhưng vui vẻ

- Ánh mắt, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ phù hợp, thể hiện sự tương tác với người nghe

Xin chào thầy cô và các bạn học sinh trường... Tôi là... Hôm nay tôi xin phép đứng ở đây trình bày những ý kiến quan điểm về tình trạng môi trường hiện nay. Như chúng ta đã biết, hiện nay, cùng với các vấn đề như bùng nổ dân số, xung đột vũ trang hay nạn khủng bố, thì ô nhiễm môi trường đang là một vấn đề thời sự được cả thế giới quan tâm bởi những ảnh hưởng vô cùng to lớn của chúng tới con người. Đến với Hội thi hôm nay, em xin được tham gia thuyết trình với chủ đề: Chung tay vì một môi trường xanh - sạch - đẹp.

**2. Triển khai**

- Lần lượt trình bày các ý theo nội dung đã chuẩn bị. Khi nói, cần sử dụng lí lẽ và bằng chứng.

- Nhấn mạnh ý kiến riêng của bản thân.

**3. Kết luận**

- Tóm lược nội dung đã trình bày.

- Gợi suy nghĩ và kích thích sự đối thoại của người nghe.

- Lời cảm ơn

Kính thưa cô giáo và các bạn, cùng với việc môi trường bị ô nhiễm, trái đất

	<p>của chúng ta đang ngày một nóng lên, thiên nhiên đã nổi giận, môi trường sống của chúng ta đã không còn đủ kiên nhẫn nữa. Nếu quý vị đã có ý thức bảo vệ môi trường, xin hãy tiếp tục, còn nếu chưa thì cũng đừng quá lo lắng, hãy thay đổi thói quen ngay từ bây giờ. Chỉ có như vậy thì môi trường tự nhiên mới mãi là cái nôi êm ái của mỗi chúng ta. Bài nói của tôi đến đây là kết thúc, cảm ơn cô và các bạn đã chú ý lắng nghe. Rất vinh dự nếu có dịp đứng lên chia sẻ với cô và các bạn ở những chủ đề khác. Xin cảm ơn!</p>
--	--

### 2.3. Sau khi nói

- a. **Mục tiêu:** Học sinh biết trao đổi, nhận xét về nội dung của bài nói
- b. **Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
- d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM				
<p><b>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV hướng dẫn HS trao đổi sau khi nói</li> <li>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</li> </ul> <p><b>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện nhiệm vụ.</li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động</b></p>	<p><b>III. SAU KHI NÓI</b></p> <p><b>Trao đổi về bài nói theo một số gợi ý sau:</b></p> <table border="1" style="width: 100%;"> <thead> <tr> <th>Người nghe</th> <th>Người nói</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>- Trao đổi lại với người nói về hiện tượng (vấn đề) đời</td> <td>- Lắng nghe ý kiến phản hồi của người nghe.</td> </tr> </tbody> </table>	Người nghe	Người nói	- Trao đổi lại với người nói về hiện tượng (vấn đề) đời	- Lắng nghe ý kiến phản hồi của người nghe.
Người nghe	Người nói				
- Trao đổi lại với người nói về hiện tượng (vấn đề) đời	- Lắng nghe ý kiến phản hồi của người nghe.				

<p><b>và thảo luận</b></p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</b></p>	<p>sống được bàn luận, về cách trình bày bài nói.</p> <p>- Thảo luận bằng cách nêu thắc mắc, yêu cầu người nói giải đáp thêm.</p> <p>Nhận xét về lí lẽ và bằng chứng mà người nói sử dụng.</p>	<p>- Giải thích thêm những chỗ người nghe thắc mắc.</p> <p>- Bảo vệ ý kiến của mình nếu nhận thấy ý kiến đó đúng.</p>
--	--	---

### **Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Học sinh thực hiện bài nói trên lớp.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài nói

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV tổ chức hoạt động **CÙNG THỂ HIỆN TÀI NĂNG**

**YÊU CẦU:** Chia 4 nhóm, mỗi nhóm cử 1 bạn đại diện lên nói trước lớp

Các nhóm còn lại lắng nghe, đánh giá theo bảng

<b>PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ</b>			
Nhóm:.....			
Tiêu chí	Mức độ		
	Chưa đạt	Đạt	Tốt
1. Vấn đề đưa ra mang tính thời sự, hay	Không đưa ra được vấn đề mang tính thời sự	Vấn đề mang tính thời sự	Vấn đề nóng bỏng trong XH hiện nay
2. Nội dung	ND sơ sài, không nêu được ý kiến, li lẽ, bằng chứng thuyết phục	HS đưa ra li lẽ, bằng chứng thuyết phục	Có sức thuyết phục sử dụng li lẽ và bằng chứng từ thực tế trong đời sống
3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm.	Nói nhỏ, khó nghe; nói lắp, ngập ngừng...	Nói to nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng 1 vài câu.	Nói to, truyền cảm, hầu như không lặp lại hoặc ngập ngừng.
4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp.	Điều bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe; nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp.	Điều bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt biểu cảm phù hợp với nội dung câu chuyện.	Điều bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt sinh động.
5. Mở đầu và kết thúc hợp lí	Không chào hỏi/ và không có lời kết thúc bài nói.	Có chào hỏi/ và có lời kết thúc bài nói.	Chào hỏi/ và kết thúc bài nói một cách hấp dẫn.
			<b>Tổng:...../10 điểm</b>

### Bài nói tham khảo

*Xin chào thầy cô và các bạn học sinh trường... Tôi là... Hôm nay tôi xin phép đứng ở đây trình bày những ý kiến quan điểm về tình trạng môi trường hiện nay.* Như chúng ta đã biết, hiện nay, cùng với các vấn đề như bùng nổ dân số, xung đột vũ trang hay nạn khủng bố, thì ô nhiễm môi trường đang là một vấn đề thời sự được cả thế giới quan tâm bởi những ảnh hưởng vô cùng to lớn của chúng tới con người. Đến với Hội thi hôm nay, em xin được tham gia thuyết trình với chủ đề: **Chung tay vì một môi trường xanh - sạch - đẹp.**

**Vậy môi trường là gì?** Vâng, môi trường là tất cả các yếu tố tự nhiên và xã hội cần thiết cho sự sinh sống, sản xuất của con người, như tài nguyên thiên nhiên, không khí, đất, nước, ánh sáng, cảnh quan, quan hệ xã hội. Môi trường tự nhiên vẫn đang từng phút cung cấp cho cuộc sống con người những nguồn lợi vô giá. Thế nhưng, con người đã và đang làm gì để đền đáp, bảo vệ cho môi trường, cái nôi nuôi dưỡng sự sống của chính mình? Câu hỏi ấy tưởng chừng rất đơn giản nhưng lại làm cho ta phải giật mình một khi trả lời.

Bạn có thấy chằng nước mắt của những dòng sông? Bạn có nghe chằng sự ghen ngào của biển cả? Ai đó có nghe không tiếng gào thét của núi rừng? Có một thời đó là những vẻ đẹp, là nguồn cảm hứng vô tận cho thi ca, nhạc, họa, là

những điều kỳ diệu mà tạo hóa đã tặng cho con người. Thế nhưng, con người ngày càng quay cuồng trong guồng quay chóng mặt của cơ chế thị trường, của những cạnh tranh khốc liệt, của lòng tham không đáy thì núi rừng ngày càng bị tàn phá, biển cả, sông ngòi càng ô nhiễm, nhiều đô thị khói bụi mù mịt, nước thải đen ngòm, rác có ở khắp nơi. Có thể thấy rằng, con người đã và đang xúc phạm tới tự nhiên và tất nhiên chúng ta phải trả giá. Ngay giờ đây, khi chúng ta đang ngồi bên nhau bàn về môi trường thì nước mắt miền Trung vẫn chưa khô bởi sự tàn phá của cơn áp thấp nhiệt đới. Bầu không khí đau thương, tang tóc khắp mấy tỉnh miền Trung làm chúng ta không thể không xót xa.

Vậy nguyên nhân nào dẫn đến tình trạng trên? Theo em, đó là những nguyên nhân sau:

Thứ nhất: Ô nhiễm mặt nước

Thứ 2: Ô nhiễm nước ngầm

Thứ 3. Ô nhiễm không khí do môi trường sống:

Thứ 4. Khai khoáng công nghiệp

Thứ 5. Nước thải không được xử lý

Thứ 6. Ô nhiễm không khí ở các đô thị

Đứng trước một thực tại cấp thiết đáng lo ngại, chính quyền các cấp và nhân dân trong huyện Bắc Quang chúng ta cũng đã chính thức bắt tay vào nhiệm vụ tìm lại sự trong lành, khỏe mạnh cho môi trường sống. Hàng ngày, các công nhân của công ty vệ sinh môi trường thị xã phải len lỏi vào hầu hết các ngõ ngách của thị trấn Việt Quang để thu gom và xử lý rác thải. Từ hình ảnh những người công nhân phải ngày ngày đối mặt với biết bao rác bẩn, trong đó có không ít những mầm bệnh nguy hiểm, mỗi chúng ta hãy tự xây dựng cho mình ý thức vứt rác đúng nơi quy định, vừa là để giúp đỡ những người công nhân vệ sinh, vừa là để bảo vệ cuộc sống của chính mình. Hằng năm, huyện chúng ta còn rất tích cực tham gia Tết trồng cây, bảo vệ rừng đồi, tuyên truyền phát động phong trào tự dọn vệ sinh tới từng khu dân cư... Tất cả những việc làm đó đã và đang góp phần làm cho huyện ta ngày càng thân thiện với môi trường.

Kính thưa cô giáo và các bạn, cùng với việc môi trường bị ô nhiễm, trái đất của chúng ta đang ngày một nóng lên, thiên nhiên đã nổi giận, môi trường sống của chúng ta đã không còn đủ kiên nhẫn nữa. Nếu quý vị đã có ý thức bảo vệ môi trường, xin hãy tiếp tục, còn nếu chưa thì cũng đừng quá lo lắng, hãy thay đổi thói quen ngay từ bây giờ. Chỉ có như vậy thì môi trường tự nhiên mới mãi là cái nôi êm ái của mỗi chúng ta. Bài nói của tôi đến đây là kết thúc, cảm ơn cô và các bạn đã chú ý lắng nghe. Rất vinh dự nếu có dịp đứng lên chia sẻ với cô và các bạn ở những chủ đề khác. Xin cảm ơn!

#### **Hoạt động 4: Vận dụng**

- a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.
- b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi
- c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS
- d. Tổ chức thực hiện:**

**Bài tập:** *Trình bày suy nghĩ của em về nạn bạo lực học đường.*



- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

### Hoạt động 5: Củng cố- mở rộng

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Câu 1:**

**a. Vì sao việc khẳng định cái riêng của mỗi người luôn là điều cần thiết?**

- *Cái riêng của mỗi người luôn là điều cần thiết. Bởi vì chính cái riêng, sự độc đáo trong mỗi một con người sẽ làm cho một tập thể, cộng đồng trở nên phong phú, đóng góp được cho tập thể cái là của chính mình.*

**b. Vì sao trong cuộc sống, giữa mọi người cần có sự thấu hiểu, chia sẻ?**

- *Trong cuộc sống, giữa mọi người cần có sự thấu hiểu, chia sẻ vì chính những sự thấu hiểu, chia sẻ đó làm cho người trở nên gần gũi với nhau hơn, sát lại gần nhau hơn, và càng làm cho mỗi con người tự hoàn thiện mình hơn.*

**Câu 2:**

Những vấn đề cần xác định	Đoạn (a)	Đoạn (b)
Nội dung của đoạn văn		
Mục đích của đoạn văn		
Kiểu văn bản có chứa đoạn văn		

**Rút kinh nghiệm**

.....  
.....  
.....